

LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO

QUYỂN 5

Phẩm 8: HÀNH MÔN (Phần Hai)

Đây nói rõ về cầu thiền thứ hai, tư duy lỗi lầm ở thiền thứ nhất, công đức thiền thứ hai, bấy giờ người tọa thiền ưa thích khởi thiền thứ hai xong, thì đối với thiền thứ nhất thân được tự tại. Tại sao? Nếu ở thiền thứ nhất chưa được tự tại, thì tuy là tư duy muốn trừ giác quán, mong được thiền thứ hai, nhưng trở lại bị thoái thất, bèn chẳng đủ năng lực khởi thiền định thứ hai, cũng lại không có khả năng vào thiền thứ nhất. Như Đức Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo đưa thí dụ con bò nghé ngu si không biết nơi ăn, chưa biết bước đi, muốn đến chỗ xa nguy hiểm, nó bèn tự nghĩ: ta nay phải đến nơi chưa từng đến, ăn cỏ chưa từng ăn, uống nước chưa từng uống. Chân trước chưa đứng lên, lại đưa chân sau, vấp ngã không an, không thể đi tới trước, bèn không đến được nơi chưa từng đến, cũng không được ăn cỏ chưa từng ăn, và không được uống nước chưa từng uống. Nó lại suy nghĩ, đã không có thể đi, thôi thì ăn uống các món cũ vậy. Tỳ-kheo cũng vậy ngu si chưa thông suốt, không biết điều gì mình phải làm, không, hiểu lừa dục, vào thiền thứ nhất, không tu pháp này, không học tập, nhiều liền tự suy nghĩ-muốn vào Thiền thứ hai, lừa giác quán, chẳng hiểu tự an, trở lại tư duy, ta không khả năng được vào thiền thứ hai lừa nơi giác quán, muốn thoái lui vào thiền thứ nhất lừa dục. Tỳ-kheo ngu si như bò nghé kia không hiểu bước đi. Vì thế cho nên phải tu thiền thứ nhất khiến tâm được tự tại, ở lúc chưa được vị thiền và sau khi được vị thiền, đầu đêm cuối đêm tùy tâm ưa thích, tùy ý muốn gần gũi lâu dài tùy ý vô ngại, phát khởi đi vào quán. Nếu từ một thời gian cho đến nhiều thời gian, nhiều lần vào nhiều lần ra. Nếu từ một thời gian cho đến nhiều thời gian, ở thiền thứ nhất kia thành được tự tại, được tự tại ưa thích, khởi thiền thứ hai, vượt qua Sơ thiền. Lại tư

duy nữa: thiền thứ nhất này thô, thiền thứ hai tế, ở thiền thứ nhất thấy có lỗi lầm, ở thiền thứ hai thấy có công đức.

Hỏi: Lỗi lầm của thiền thứ nhất là gì?

Đáp: Gần gũi năm Cái oán, khiến giác quán động, thân thành biếng lười, tâm thành tán loạn. Tất cả pháp đó là định thô, không thể trú vì thân thông chứng đắc, đã ưa thích thiền thứ nhất không thể thành tựu phần thù thắng. Đó là lỗi lầm ở thiền thứ nhất. Công đức thiền thứ hai là đối trị lỗi lầm. Vì đã quán thấy lỗi lầm thiền thứ nhất thấy công đức thiền thứ hai là tướng của Nhất thiết nhập nên tác ý tu hành về sự của thiền thứ hai, không tác ý hòa hợp thiền thứ nhất, không tác ý ở giác, không tác ý ở quán, vì từ định sinh hỷ lạc tự tại, khiến tâm thọ trì. Người tọa thiền kia tác ý như vậy, giác quán không lâu thành diệt mất đi, lại vì do định khởi lên hỷ lạc tự tại, nên khiến tâm an trú. Đây tức là rõ nghĩa bốn chi của thiền thứ hai. Người tọa thiền kia do giác quán diệt cho nên, thành tựu tín bên trong đó (nội tín), tâm thành một tánh, không giác không quán, từ định sinh hỷ đi lạc vào thiền thứ hai. Đó là công đức của Địa Nhất thiết nhập. Giác quán diệt là, vì khéo phân biệt nên giác quán diệt, cũng gọi là đoạn.

Hỏi: Tại Thế nào là giác quán diệt?

Đáp: Cũng là lỗi lầm giác quán ở thiền thứ nhất, và tất cả căn bản của giác quán, lỗi lầm của giác quán, và căn bản của giác quán, cùng giác quán đều trừ, cho nên thành giác quán diệt. Lại nữa, vì đoạn thiền thô bậc hạ thiền được thiền thù thắng bậc thượng. Lại khiến hiện lần lượt diệt. Bên trong là hiện chứng gọi là bên trong. Bên trong có ba thứ: Một là bên trong bên trong; hai là định bên trong; ba là hành xứ bên trong. Bên trong là gì? Đó là sáu nội nhập. Định bên trong là tự quán thân, đây gọi là định bên trong. Hành xứ bên trong là suy nghĩ bên trong không ra bên ngoài, nghĩa thu nhiếp là tánh, đó gọi là hành xứ bên trong. Trong kinh này, bên trong bên trong là niềm vui. Tín là tin, chánh tín, tư duy tăng trưởng tín, đây gọi là tín. Định ở bên trong đó gọi là tín bên trong. Tín bên trong là, tướng gì, khởi gì vị gì, xứ gì? Không loạn là tướng tín bên trong, tịch tịch là vị, không nhiễm trước là khởi, giác quán là xứ. Tâm thành một tánh là, đó là tâm trú chánh định, đây gọi là tâm thành một tánh. Tâm thành một tánh là nghĩa gì? Tâm là ý, một là nói về niệm. Gọi là tánh như Thanh luận nói sinh tánh. Tánh là nói nghĩa tự nhiên. Thiền thứ hai đây, nhất tâm có thể diệt giác quán, vì một tánh được khởi, đây gọi là tâm thành một tánh. Tâm thành một tánh là, tướng gì, vị gì, khởi gì, xứ gì? Chuyên chánh là tướng, tịch tịch

là vị, không sóng gợn là khởi, giác quán diệt là xứ.

Hỏi: Tín và tâm thành một tánh, tại sao không thuộc vào thiền thứ nhất?

Đáp: Vì thiền thứ nhất dùng giác quán làm sóng động cho nên thành vẫn đục. Do đó, tín bên trong, tâm thành một tánh trở thành không thanh tịnh. Như nước có gió, sóng thấy mặt mình dường như không trong sạch. Như vậy thiền thứ nhất giác quán là sóng, vì sóng động nên vẫn đục cho nên, tin bên trong và tâm một tánh thành trở không thanh tịnh. Vì thế thiền chi không phải thuộc thiền thứ nhất là không giác không quán, nghĩa là đoạn giác, không giác, lìa quán, không quán.

Hỏi: Giác quán diệt và không giác không quán, hai thứ này đều đoạn giác quán, tại sao nói hai?

Đáp: Giác quán diệt là hiện tín bên trong, tâm một tánh làm nhân; không giác không quán, là hiện tướng hỷ lạc vi diệu, của tịch tịch đã tạo thành. Lại nữa giác quán diệt là, dùng giác quán này thấy lỗi lầm giác quán, đoạn pháp lỗi lầm kia; không giác không quán là đoạn giác quán của cõi Sắc giới. Lại nữa, không giác không quán là có hai thứ: Một là chẳng dùng giác quán diệt mới không giác không quán. Hai là vì giác quán diệt nên không giác không quán. Bởi thế, năm thức và thiền thứ ba đồng đều, chẳng vì giác quán diệt mới thành không giác không quán. Thiền thứ hai, dùng phương tiện tịch tịnh, cho nên dùng giác quán diệt mới thành không giác không quán. Đó là nói hai nghĩa. Từ định sinh là gọi là định, thiền thứ nhất từ trí kia sinh, thiền thứ hai thành từ định thiền thứ nhất định sinh. Lại nữa định là ở thiền thứ hai cùng nhất tâm cộng sinh cho nên, định sinh hỷ lạc. Hỷ lạc ở thiền thứ nhất đã phân biệt, thiền thứ hai là dựa vào thiền thứ nhất (sơ) mà được tên. Thiền thứ hai này vào chánh thọ gọi là vào Thiền thứ hai. Thiền là, tín, hỷ, lạc, nhất tâm bên trong, đó gọi là thiền. Vào chánh thọ trú là thành được thiền thứ hai, lìa hai chi, thành tựu hai chi, ba thứ thiện mười tướng đầy đủ, tướng ứng hai mươi ba công đức, là công đức thiên trú, sinh trời Quang diệu, như phần đầu đã nói rộng. Thiên trú là từ định sinh hỷ lạc, vượt đời sống con người nên gọi là thiên trú. Cho nên, Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo rằng, như ao có nước, chẳng phải từ bốn phương lại, cũng chẳng phải mưa xuống, không có thời tiết, mà là từ suối phun lên, mát lạnh thấm rưới đầy tràn ra thấy xa. Như vậy, Tỳ-kheo thân này từ định sinh hỷ lạc, khiến được trong mát không đâu không đượm nhuần, từ định sinh hỷ khắp cùng thân tâm, giống như nước suối. Người tọa thiền kia, vào thiền thứ hai, thân đó có thể biết, như nước không phải từ bốn

phương chảy lại, không phải mưa xuống. Cho nên có thể biết, đó là giác quán diệt. Từ suối phun ra như vậy khiến thân tràn đầy chẳng khởi gợn sóng. Như vậy, từ định sinh hỷ lạc, thân danh sắc đầy khiến đầy chẳng khởi loạn tâm, như dùng nước lạnh khiến thân trong mát khắp mọi chỗ. Như vậy từ định sinh hỷ lạc, tất cả thân danh sắc thành tựu đầy đủ quả báo tu định. Như vậy trời ở sinh công đức sáng đẹp. Thiền thứ hai đầy có ba thứ: Hạ, trung và thượng, người tọa thiền đó tu hạ thiền, mạng chung sinh lên trời Thiếu Quang, thọ mạng hai kiếp, tu trung thiền sinh lên trời Vô Lượng Quang, thọ mạng bốn kiếp, tu thượng thiền, sinh lên trời Quang Diệu, thọ mạng tám kiếp,

nhớ về lỗi lầm của thiền thứ hai.

Bấy giờ người tọa thiền đã tu thiền thứ hai, thân được tự tại, thiền thứ hai thô, thiền thứ ba tịch lặng. Biết lỗi lầm ở thiền thứ hai, thấy công đức thiền thứ ba, khởi thiền thứ ba. Thiền thứ hai lỗi lầm gì? Nghĩa là gần gũi giác quán là oán hại của định, cùng hỷ tràn đầy tương ứng nên thiền thành thô, vì hỷ thành tràn đầy tâm phần khởi, không thể khởi các thiền chi khác. Nếu đắm trước ở hỷ thì là mất. Nếu biết là mất thì thành, chẳng mất. Nếu không kham chịu chứng đắc thân thông, hoặc ưa thích thiền thứ hai thì không thành tựu phần thắng, là biết lỗi lầm của thiền thứ hai. Thấy công đức thiền thứ ba, là sự đối trị của nó. Vì đã quán lỗi lầm thiền thứ hai, lại thấy công đức thiền thứ ba, tức dựa vào tướng Nhất thiết nhập để tác ý, khiến tâm hỷ diệt mất. Vì do tâm thọ trì tác ý như vậy, đối với hỷ lạc, nên không lâu do không hỷ lạc khiến tâm được yên định hiểu rõ thiền chi của thiền thứ ba. Người tọa thiền kia chẳng nhiệm hỷ nên đắc trí niệm về xả. Do thân thọ lạc đó là lời Thánh nói, Đắc trí tuệ niệm xả, vui trú ở chánh thọ thiền thứ ba. Đó là công đức Địa Nhất thiết nhập, chẳng nhiệm hỷ. Hỷ là trước đã phân biệt. Chẳng nhiệm là, đoạn hỷ được an trú ở xa. Thế nào là xả? Xả là hộ, chẳng thối chẳng tiến là tâm bình đẳng, đây gọi là xả. Do đó, xả có tám thứ đó là: Thọ xả, tinh tấn xả, kiến xả, Bồ Đề giác xả, vô lượng xả, sáu phần xả, thiền chi xả, thanh tịnh xả. Năm căn là Thọ xả. Có lúc chẳng tác ý mà vẫn xả tướng đó là tinh tấn xả. Khổ tập nay ta phải đoạn để thành tựu được xả, là Kiến xả. Tu Bồ đề giác đó là Bồ Đề xả. Từ, bi, hỷ, xả là Vô lượng xả. Mất thấy sắc không khổ, không mừng thành xả, đó là Sáu phần xả. Không nhiệm nên thành an trú ở xả, đó là thiền chi xả. Xả niệm thanh tịnh là thanh tịnh xả. Trong tám xả này, trừ Thọ xả, còn lại bảy pháp xả đó là bình đẳng xả. Lại nữa, có ba thứ xả: Một là tương ứng thừa; hai là ít kinh doanh; (sửa trị) ba là không kinh doanh. Đối với tất

cả việc hành thiền là phương tiện bình đẳng cầu thiền, chẳng gấp vội, chẳng trì hoãn, đó gọi là tướng ứng thừa xả. Xả dưới đây gần thiền thứ hai có khả năng đoạn trừ tâm hôn hởi phẩn khích. Nếu tâm không sửa trị, đó gọi là xả ít sửa trị. Xả này gần thiền thứ ba, đó là có khả năng đoạn tất cả tâm phẩn khích, vì chẳng động thân tâm, tâm không có sự sửa trị, đó gọi là vô sự xả. Xả này cũng gần thiền thứ tư. Xả là, tướng gì, vị gì, xứ gì? Bình đẳng là tướng, không bị đắm dính là vị, không sửa trị là khởi, không nhiễm là xứ.

Hỏi: Tại sao nói xả này ở thiền này chẳng phải thiền thứ hai và thiền thứ nhất?

Đáp: Nơi đó hỷ tràn đầy chưa diệt, tâm còn đắm trước, vì duyên hỷ lạc cho nên chưa diệt. Vì rất vui mừng khắp đầy thân tâm, cho nên ở hai thiền đầu chẳng nói xả. Vì chẳng tràn đầy nên ở thiền thứ ba này không nhiễm hỷ. Vì diệt sự đắm trước tướng nên thành khởi thiền chi, vì do thiền chi tự tại nên nói xả niệm chánh trí. Thế nào là niệm? Niệm tùy niệm, niệm kia nhớ biết, giữ chẳng quên. Niệm là, niệm căn niệm lực chánh niệm, đây gọi là niệm.

Hỏi: Niệm là, tướng gì, vị gì, khởi gì, xứ gì?

Đáp: Tùy niệm là tướng, chẳng quên là vị, gìn giữ là khởi, bốn niệm là xứ. Thế nào là trí? Hiểu biết là tuệ, là chánh trí, đây gọi là trí. Do đó chánh trí có bốn thứ: Có nghĩa, là trí. Tự tướng là trí. Chẳng ngu si là trí. Hành xứ là trí. Có nghĩa là trí tức có bốn oai nghi. Tự tướng là, trí tức vào nơi Không xứ, trí. Không ngu si là trí tức biết tám pháp thế gian. Hành xứ là trí tức ở sự xứ. Ở trong kinh này, trí thuộc Hành xứ là có thể giữ lấy.

Hỏi: Trí là, tướng gì, vị gì, khởi gì, xứ gì?

Đáp: Không ngu si là tướng, duyên bám vào đắm trước là vị, chọn lấy các pháp là khởi, chánh tác ý là xứ.

Hỏi: Tại sao niệm chánh trí này tất cả xứ chẳng là vi diệu?

Đáp: Nếu người mất niệm thì chẳng khởi chánh trí, chẳng thể khởi hạnh bên ngoài thiền.

Hỏi: Tại sao nói thiền thứ ba, chẳng nói thiền thứ hai và thiền thứ nhất?

Đáp: Đối với Hỷ này là đứng đầu. Vì thiền chi thô diệt nên chánh định tế. Định này đi vào xứ vi tế, vì chánh trí này có thể khởi thiền thứ ba. Cho nên dùng thiền chi tự tại. Lại nữa thiền này dễ khởi đến xứ lạc kia địa ấy nhiều khí vị, cũng làm tâm ngu, đó gọi là xứ trước. Cho nên ở thiền thứ ba này nhận biết, chứng đắc tự tại có thể làm đoạn hỷ. Lại nói

hỷ, lạc là cùng làm bạn thân, cho nên niệm trí này phân biệt, không hỷ, có lạc đối với sự thành trú. Như trâu nghé kia đi theo mẹ nó, không nắm hai tai, tự nhiên theo mẹ. Như vậy không hỷ có lạc, vì niệm trí phân biệt lạc được trú hành xứ. Nếu chẳng chậm phân biệt, trở lại vào nơi hỷ thành phần thối lui của thiền. Vì thiền chi đây tự tại nên nói niệm trí, vì xả niệm trí này thành tự, cho nên có trí xả niệm dùng thân thọ lạc.

Hỏi: Tâm lạc là gì?

Đáp: Tâm nhiếp thọ là tâm lạc. Từ tâm xúc sinh nhiếp thọ là tâm lạc thọ, đó gọi là lạc.

Hỏi Thân là gì?

Đáp: Tưởng ấm, hành ấm, thức ấm, đây gọi là thân. Lạc này dùng thân thọ tiếp nhận gọi là thân thọ lạc.

Hỏi: Tại sao lạc đây không hỷ, chẳng phải dùng thân làm thọ?

Đáp: Ở thiền thứ ba lạc căn diệt, tại sao Đức Thế Tôn nói thiền thứ ba lạc căn diệt là lạc mà do Thánh nhân nói? Thánh là, Phật và đệ tử khai hợp chế giáo phân biệt hiển bày, đây gọi là điều Thánh nói.

Hỏi: Tại sao Thánh nói ở thân này chẳng phải xứ khác?

Đáp: Thiền thứ ba này dễ khởi đến xứ lạc kia, nhưng không thọ lạc, Thánh giả hướng về lạc an trú, là Thánh nhân thành tự. Cho nên Thánh nhân nói: Thiền này thù thắng ở việc thành tự xả. Lạc (vui) có niệm trú thì cũng lạc trong niệm xả. Đây đã phân biệt thành tự vào trú ở thiền thứ ba. Thứ ba là nương thứ hai gọi là thứ ba. Thiền thứ ba là chánh trí xả niệm lạc nhất tâm, đây gọi là thiền thành tự. Đi vào trú ở là kia đã được thiền thứ hai là một phần năm phần, thành tự ba thứ thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng. Sinh ở cõi Trời Biến Tịnh, như Sơ thiền đã nói rộng. Sống trên trời là không trú hỷ lạc trú ở không hỷ, vượt khỏi đời sống con người gọi là sống trên trời. Do đó, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Như vậy, các Tỳ-kheo! Hoa-uất-ba-la trì, Hoa-phân-đà-lợi trì, hoặc hoa Uất-ba-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi sinh ở nước tảng trướng ở nước, từ nước mọc lên, trú ở trong nước, từ rễ đến ngọn khiến nước đầy trong đó. Như vậy Tỳ-kheo! Thân này vì không hỷ lạc làm cho tràn đầy nhuần đượm, vì lạc của không hỷ khắp đầy thân tâm, bởi thế giống như hoa-Uất-đa-la, Ba-đầu-la, Phân-đà-lợi, từ nước mọc lên. Như vậy vào thiền thứ ba, thân đó phải biết như ngó sen sinh trong nước, từ rễ đến ngọn tất cả đều ngập nước. Như vậy vào thiền thứ ba, thân đó dùng lạc không hỷ khắp đầy thân tâm tu quả báo của định. Như vậy sống trên trời sinh công đức trời Biến Tịnh. Thiền thứ ba này cũng thành ba thứ đó là: Thượng trung và

hạ. Do đó, người tọa thiền tu hành hạ thiền mạng chung sinh lên trời Thiểu Tịnh, thọ mạng kia mười sáu kiếp. Tu hành trung thiền sinh lên trời Vô Lượng Tịnh, thọ mạng ba mươi hai kiếp. Tu hành thượng thiền sinh lên trời Biến Tịnh, thọ mạng sáu mươi bốn kiếp, nhớ lỗi lầm thiền thứ ba.

Bấy giờ người tọa thiền đã làm như vậy: thiền thứ ba thân được an vui tự tại bèn khởi thiền thứ tư vượt thiền thứ ba Thiền thứ ba thô, thiền thứ tư diệu thấy lỗi lầm thiền thứ ba, lại thấy công đức thiền thứ tư. Thiền thứ ba lỗi lầm gì? Đó là gần hỷ là kẻ oán, chánh định cho chi lạc là thô, chẳng thể chịu đựng để đắc thân thông, thiền thứ ba chẳng thành tựu phần thù thắng. Như vậy, thấy lỗi lầm thiền thứ ba, thấy công đức thiền thứ tư, là đối trị. Người tọa thiền kia đã thấy lỗi lầm thiền thứ ba, thấy công đức thiền thứ tư như vậy. Người ấy chỉ khởi tác ý tướng Nhất thiết nhập, khiến hiện diệt lạc diệt, vì do xả, tâm thọ trì, tác ý như vậy không bao lâu, vì do xả, tâm được an hiểu thiền chi thứ tư. Người tọa thiền kia vì đoạn lạc nên trước đã đoạn khổ. Vì mới đầu hỷ ưu (vui buồn) hết cho nên, niệm xả không khổ không vui, thanh tịnh thành tựu trú thiền thứ tư. Đó là công đức của Địa Nhất thiết nhập. Đoạn lạc, gọi là đoạn thân lạc, đoạn khổ gọi là đoạn thân khổ. Hỷ ưu (vui buồn) trước diệt thì hỷ gọi là tâm lạc, ưu gọi là tâm khổ, đều diệt hết vậy.

Hỏi: Lạc khổ ưu đã đoạn, xứ nào diệt?

Đáp: Lúc đạt Sơ thiền thì diệt, ở thiền thứ tư này, Phật nói khổ diệt.

Hỏi: Xứ nào khổ căn khởi không có thời gian khác diệt?

Đáp: Phật bảo các Tỳ-kheo: Sơ thiền thành tựu lìa dục là xứ khổ căn khởi không thời gian khác diệt.

Hỏi: Tại sao ở Sơ thiền khổ căn diệt?

Đáp: Vì hỷ tràn đầy nên thân vui, thân vui nên khổ căn diệt, vì đoạn đối trị, cho nên ở Sơ thiền khổ căn diệt; ở Thiền thứ hai ưu căn diệt, thành đoạn ưu căn, như lời Phật nói. Xứ nào hỷ căn khởi không thời gian khác diệt? Ở đây Tỳ-kheo vì giác quán diệt nên chánh thọ thiền thứ ba trụ, xứ đó ưu căn khởi không có thời gian khác diệt. Tại sao thiền thứ hai ưu căn diệt? Nếu có giác quán lâu dài tùy giác quán, thành thân biếng lười, thành tâm trễ nãi. Nếu tâm trễ nãi ưu căn tức khởi, ở thiền thứ hai giác quán diệt, nói ưu căn diệt; ở thiền thứ ba là xứ lạc diệt, như Đức Thế Tôn nói. Xứ nào lạc căn khởi không có thời gian khác diệt? Ở đây Tỳ-kheo nhằm chán ở hỷ vậy, trú vào chánh thọ thiền thứ ba, là xứ lạc căn đã khởi không thời gian khác diệt.

Hỏi: Tại sao ở thiên thứ ba lạc căn diệt?

Đáp: Hỷ diệt, mà hỷ làm nhân của lạc thành diệt, cho nên ở thiên thứ ba lạc căn diệt.

Hỏi: Nếu khổ lạc ưu ở thiên thứ ba đã diệt, tại sao ở thiên thứ tư này nói diệt?

Đáp: Thiên thứ ba là đường dẫn đến thiên thứ tư, ở thiên thứ ba đã diệt thọ, cho nên ở thiên thứ tư nói diệt. Lại nữa vì chẳng khổ chẳng lạc thọ làm hiện đối trị cho nên nói đối trị của khổ, lạc là chẳng khổ chẳng lạc thọ. Lại nữa, thiên thứ tư cùng thọ đối trị thọ thấu hợp vậy. Lại nữa, xả phiền não hiện đoạn không sót. Chẳng khổ chẳng lạc thọ là, ý chẳng tiếp nhận tâm chẳng ruồng bỏ, đây gọi là chẳng khổ chẳng lạc thọ. Không khổ không lạc thọ là, tướng gì, vị gì, khởi gì, xứ gì? Khoảng giữa là tướng; trú giữa là vị; trừ là khởi; hỷ diệt là xứ. Thế nào là xả niệm thanh tịnh? Đó nghĩa là trung tánh làm xả, đây gọi là xả. Niệm đó là niệm tùy niệm, chánh niệm, đây gọi là niệm. Dùng xả làm niệm thành phân minh trong sạch, đây gọi là xả niệm thanh tịnh.

Hỏi: Tại sao niệm này dùng xả phân minh trong sạch?

Đáp: Xả này lia tất cả phiền não, thọ tương tự tương ưng, nên thành tựu không động không sửa trị. Vì không có sửa trị nên nó tương ưng với xả. Niệm đây đến mức không động tức trở thành không sửa trị. Cho nên, niệm đây rồi thì xả thành phân minh trong sạch. Bốn là, y cứ thiên thứ ba kia, thiên thứ tư này thành tựu. Đi vào anđịnh là, đây gọi là thiên thứ tư xả niệm nhất tâm, đây gọi là thiên thành tựu. Vào trú là, thành được thiên thứ tư kia, lia một phần ba phần, thành tựu ba thứ thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ưng, Quả báo ở trên trời là sinh ở trời Quả Thật, công đức như phnê đầu đã nói rộng. Ở trên trời là, vui trong xả an trú, ra khỏi chỗ ở của loài người, đây gọi là ở trên trời. Cho nên, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo, có người ngồi dùng tấm mền trắng phủ che thân từ đầu đến chân, tất cả phần thân phủ kín cả, như dùng mền trắng phủ khắp cả, Tỳ-kheo như vậy dùng tâm trong trắng (sạch) làm cho đầy tất cả phần thân. Vì tâm trong trắng nên không bị đấm trước thứ gì cả. Thí như có người lấy tấm mền trắng che phủ, người tọa thiền đó cũng làm như vậy, là lia tất cả phiền não ở trước, nếu còn ở thiên thứ tư đều có thể biết. Như dùng tấm mền trắng phủ che thân, từ đầu đến chân, chẳng lạnh chẳng nóng, thời tiết điều hòa thân tâm thanh tịnh. Như vậy vào thiên thứ tư chẳng khổ, chẳng vui, đó là lạc của xả khiến khắp nơi thân tu quả báo của định. Như vậy ở trên trời sinh công đức của trời Quả Thật. Tu thiên thứ tư khi mạng chung phạm phu

sinh lên trời Quả Thật. Nếu tâm nhằm chán thì sinh trời Vô tướng, thọ mạng năm mươi kiếp. Nếu Sa-môn hoặc sinh trời Quả thật, hoặc sinh chỗ ngũ Tịnh cư, như vậy là công đức Quả Thật.

Hỏi: Tại sao ở thượng trung hạ cầu ba thiên xứ trước, nói có quả địa thù thắng, chẳng nói thiên thứ tư?

Đáp: Dựa vào sở đắc của ba thiên trước có thô có diệu, cho nên dùng chi trội nhất trong địa, nói quả địa thù thắng. Thiên thứ tư này đã đến bờ kia của chi. Từ đây không có chi nữa. Cho nên ở đây không nói đến quả địa thù thắng hơn.

Bấy giờ người tọa thiền nghĩ đến lỗi lầm của thiên thứ tư: ở thiên thứ tư đã được lạc tự tại, khởi định hư không vượt qua Sắc giới. Lại tư duy tiếp: Định Sắc thô, định hư không tế. Người tọa thiền kia thấy tai họa của sắc, lại thấy công đức của định hư không. Thế nào là tai họa ưa sắc? Như lấy gậy gộc đánh nhau, đấu tranh, nói đôi chiều, nói hư dối, cắt chặt tay chân v.v... đủ cả mọi sự, mất đau đớn, hoạn họa nóng lạnh đói khát các khổ, đó là tai họa sắc dục. Thế nào là lỗi lầm của thiên thứ tư? Đây gần với Hỷ thành oán dựa vào sự của sắc, đó gọi là thô, khi đó đắm trước ưa thích (lạc) không thể thành tựu phần thù thắng. Dựa vào hư không tịch tịch giải thoát, thì định kia thành thô, do sắc thấy lỗi lầm thiên thứ tư, thấy công đức ở định hư không, là đối trị của nó. Người tọa thiền kia đã thấy ở sắc như vậy, và thấy lỗi lầm thiên thứ tư, đã thấy công đức định hư không, niệm nhập vào thiên thứ tư rõ định vô biên hư không. Từ định này khởi, lên sự trừ bỏ tướng Địa Nhất thiết nhập, tu định hư không, tướng địa trở thành mất, ở chỗ hư không khởi tác ý vô biên. Nếu như đây hiện tác ý, thì chẳng bao lâu tướng địa thành mất. Từ tướng địa tâm khởi thành vượt qua hư không, do hư không nhập vào tướng nên tâm tự tại được an. Người tọa thiền kia đã khởi lên diệt tất cả tướng tướng sắc có đối vì không tác ý về mọi tướng, nên chánh thọ đi vào trú ở vô biên không xứ. Tất cả là, nói khởi lên không còn sót. Tướng sắc, đó thế nào là tướng sắc? Nhập định sắc giới tướng trí chánh trí, đây gọi là tướng sắc. Vượt là, từ đây khởi diệt tướng có đối. Thế nào là tướng có đối? Tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng và xúc, đây gọi là tướng có đối. Diệt là, các thứ tướng kia hết sạch không tác ý. Các thứ tướng là gì? Tướng người không nhập định hoặc ý giới hòa hợp, hoặc ý thức giới hòa hợp tướng trí chánh trí, đây gọi là các thứ tướng. Các thứ tướng này chẳng tác ý, đó gọi là các thứ tướng chẳng tác ý.

Hỏi: Tại sao chỉ nói vượt tướng, mà chẳng nói vượt thọ hành

thức?

Đáp: Nếu vượt tướng, thì tất cả đều cũng thành vượt, Tại sao? Nếu chẳng lìa tướng, tâm chẳng được vượt. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn nói vượt sự sắc, nên nói vượt tướng sắc. Tất cả sự định đều do tướng vậy.

Hỏi: Nếu chẳng như vậy thì nhập định cõi Sắc, tướng có đối và các thứ tướng chẳng phải là không có?

Đáp: Có người nhập định Sắc giới, có tướng đối và các thứ tướng, vì đoạn vậy.

Hỏi: Tại sao ở kia chẳng tu đạo?

Đáp: Vì nhàm chán ở sắc, cho nên ở kia chẳng diệt, ở kia chẳng tận vậy, vào thiền thứ nhất âm thanh như là gai đâm, Phật đã nói ở đây vì nhàm chán sắc dùng đạo tu hành, cho nên ở đây thành đoạn. Vì ở đây đoạn nên định vô sắc tướng chẳng động hiện hành, tướng tịch giải thoát, như Ca-lan-Uất-đầu-lam-phát nhập định vô tướng có năm trăm cỗ xe qua lại trước mắt mà chẳng thấy chẳng nghe, cho nên nói ở xứ đã diệt. Do đó khởi tất cả tướng sắc là nói đoạn tướng pháp có đối của cõi sắc, diệt các thứ tướng. Chẳng tác ý là, nói đoạn pháp của cõi Dục. Lại nữa, vượt tất cả tướng sắc là, nói đạt được Vô sắc giới. Tướng có đối bị diệt là, nói đoạn tướng loạn bên ngoài định kia, là hiển hiện không động các thứ tướng. Chẳng tác ý là, nói đoạn tướng loạn bên trong định, nói hiển hiện tướng tịch tịch giải thoát.

Hỏi: Vô biên hư không đó, thế nào là không?

Đáp: Không đó là Không nhập, Không giới, không rộng không, không bị bốn đại chạm đến, đây gọi là không. Đối với “không” chánh an tâm khiến đầy vô biên, đây gọi là vô biên. Vô biên không là, nhập không vô biên, nhập hư không xứ, tâm tâm sở pháp. Đây gọi là nhập hư không nhập, hư không là nghĩa gì? Hư không đó tánh vô biên, tánh vô biên đó không xứ, đây nói là nghĩa hư không. Như trú thiên xứ, gọi là thiên xứ, định hư không xứ kia, đây gọi là nhập hư không xứ. Chánh trú là đắc định hư không xứ, vượt ba phần sự sắc, thành tựu ba thứ thiện mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng, tịch tịch cư trú, tu quả báo định. Công đức này sinh hư không xứ, như phần đầu đã nói rộng. Công đức sinh hư không là, đã tu hư không xứ, mạng chung sinh lên trời hư không thọ mạng hai ngàn kiếp.

Bấy giờ người tọa thiền kia lại nghĩ về lỗi lầm của định Hư không: đã được vui tự tại ở hư không xứ, bèn khởi nhập định Thức Nhất thiết nhập. Vượt Hư không Nhất thiết nhập, tư duy định hư không, là thô thấy Thức xứ là vi tế. Lại thấy lỗi lầm của hư không, thấy công đức ở

Thức xứ. Thế nào là lỗi lầm nơi hư không? Định ấy gần sắc là kẻ oán, ở định Hư không là sự nên thành thô, cùng tướng có đối và các thứ tướng chẳng xa lìa nhau, tạo thành niệm kia đấm trước chẳng đạt được phần thù thắng. Như vậy, thấy lỗi lầm của hư không, thấy công đức của Thức Nhất thiết nhập, là đối trị của nó, rõ vô biên Thức định. Người tọa thiền kia đã thấy của lỗi lầm hư không như vậy, đã thấy công đức của Thức xứ, an tưởng niệm nhập, an tưởng niệm khởi, tu. Thức về hư không khiến đầy tác ý, khiến thức vô biên. Do tướng thức xứ nên tâm thọ trì. Hiện tác ý như vậy, chẳng bao lâu, từ tướng hư không xứ, tâm khởi vượt nơi thức xứ, do tướng thức xứ mà tâm được an, người tọa thiền kia khởi tất cả hư không vậy, tư duy vô biên thức, thành tựu vào chánh thọ, trú tất cả thức xứ. Tất cả là, nói không còn sót. Vượt hư không xứ là, vượt hư không xứ. Vượt là chánh thọ, đó nghĩa là vượt tất cả hư không xứ. Vô biên thức là, chỉ hư không kia, vì thức tác ý khiến đầy vô biên, gọi là vô biên thức xứ.

Hỏi: Sắc chẳng phải sắc pháp, tại sao chấp là vô biên?

Đáp: Chỉ không có sắc pháp nên thành vô biên. Tại sao? Vì pháp chẳng phải sắc không có giới hạn, không thể nắm bắt được. Lại nữa, hư không vô biên nên nói vô biên. Vô biên là, nảy ý vô biên nên thành vô biên, cho nên chẳng hại thức. Nhập xứ là, vào Thức xứ đó; tâm tâm sở pháp, đây gọi là Thức xứ. Thức xứ là nghĩa gì? Là thức vô biên. Đây gọi là thức vô biên. Thức xứ là như chỗ trời ở gọi là thiên xứ. Thức này đã thọ trì định, đây gọi là định thức xứ. Nhập chánh thọ xứ là, đắc định thức xứ kia là vượt hư không sự, ba phần thành tựu dùng ba thứ thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng, trú nơi tịch tịch tu quả báo định. Công đức sinh thức xứ ấy, như phần đầu đã nói rộng. Sinh công đức thức nhập là, tu hành Thức xứ nhập, mạng chung sinh lên trời Thức xứ, thọ mạng bốn ngàn kiếp (phần Thức nhập đã xong)

Bấy giờ người tọa thiền đã được Thức xứ, lại nghĩ về lỗi lầm của định Vô biên thức; bèn lên tự tại muốn khởi lên định Vô sở hữu xứ vượt qua Thức xứ. Lại tư duy tiếp: định Thức xứ thô, định Vô sở hữu xứ tế. Lại thấy Thức xứ lỗi lầm, lại là tai họa công đức của vô sở hữu xứ. Thế nào là lỗi lầm của thức xứ? Định này gần hư không là oán, thức sự là thô, vì tư duy tướng vô biên tạo thành niệm ki đấm trước kia, chẳng được phần thù thắng; công đức vô sở hữu xứ, là đối trị của nó. Người tọa thiền kia đã thấy Thức xứ lỗi lầm như vậy, lại thấy công đức Vô sở hữu xứ, bèn từ định Thức xứ an tưởng mà khởi. Nghĩa là thức kia chẳng tu hành nữa, chẳng phân biệt, thành tựu thức kia diệt mất. Đã thấy tướng

vô sở hữu xứ tự tại, tâm nguyện thọ trì hiện tác ý như vậy, chẳng bao lâu từ tưởng thức xứ khởi, vì do tưởng vô sở hữu xứ tâm đó được an, kia rõ định vô biên thức. Người tọa thiền vượt tất cả Thức xứ, thấy Vô sở hữu mà vào chánh thọ xứ an trú. Tất cả là, nói không còn sót. Vượt Thức xứ là, thành vượt thức này vượt vào chánh độ, đây gọi là vượt tất cả thức xứ. Vô sở hữu xứ là, không còn tu hành nữa, chẳng còn phân biệt nên thành mất thức kia, chỉ thấy, không có gì đây gọi là vô sở hữu xứ. Vào định vô sở hữu xứ tâm tâm sở pháp, đây gọi là vô sở hữu xứ. Là nghĩa gì? Thức ấy không có tự tánh, là không có gì, vô sở hữu xứ là, nói thọ trì, nói vô sở hữu thọ trì chánh định. Đây gọi là định vô sở hữu xứ. Vào chánh thọ là thành được định vô sở hữu, vượt ba phần của sự thức, thành tựu ba thứ thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng, trú ở tịch tịch, tu quả báo định. Công đức sinh Vô sở hữu xứ, như phần đầu đã nói rộng. Sinh công đức vô sở hữu là, tu hành định vô sở hữu xứ, mạng chung sinh lên trời Vô sở hữu, thọ mạng sáu ngàn kiếp. (định vô sở hữu xứ xong).

Bấy giờ người tọa thiền ở vô sở hữu xứ đã được tự tại, lại nghĩ về lỗi lầm ở Vô sở hữu xứ, bèn muốn khởi định Phi tướng phi phi tướng xứ, vượt vô sở hữu xứ. Lại tư duy tiếp: vô sở hữu xứ thô, thấy phi tướng phi phi tướng xứ tế, lại thấy Vô sở hữu có lỗi lầm, lại thấy công đức của định phi tướng phi phi tướng xứ. Thế nào là lỗi lầm của định Vô sở hữu xứ? Định này gần thức là oán, cùng tưởng phân biệt chung khởi nên thành thô, thành niệm kia đấm trước chẳng được thù thắng trên hết. Thấy lỗi lầm của Vô sở hữu xứ như vậy, lại thấy công đức của Phi tướng phi phi tướng xứ, là đối trị của nó. Lại thấy tướng này là tai hoạn là ung nhọt là gai góc, vô tướng là chánh là tịch tịch là diệu, nên gọi là phi tướng phi phi tướng. Người tọa thiền kia đã thấy như vậy, niệm nhập vô sở hữu xứ an tướng mà khởi, vô sở hữu xứ kia tịch tịch tác ý tu hành các định còn lại. Hiện tác ý như vậy, chẳng bao lâu, từ tưởng vô sở hữu xứ tâm khởi, do phi phi tướng xứ mà tâm được an, hiểu rõ định phi phi tướng. Người tọa thiền vượt tất cả vô sở hữu xứ vậy, thành tựu vào trú Phi phi tướng xứ. Tất cả là, nói không còn sót. Vượt Vô sở hữu xứ là, thành tựu vượt Vô sở hữu xứ siêu việt vào chánh độ, đây gọi là vượt tất cả Vô sở hữu xứ. Phi phi tướng là tịch tịch của xứ Vô sở hữu kia mà tác ý tu hành các định khác, đây gọi là Phi phi tướng xứ, phi phi tướng xứ là, vào phi phi tướng xứ tâm tâm sở pháp, đó gọi là phi phi tướng xứ. Phi phi tướng xứ tâm tâm sở pháp, đó gọi là phi phi tướng xứ. Phi phi tướng xứ nghĩa là gì? Diệt tướng một cách phân minh trở thành không

tướng hoặc tướng còn sót thật vi tế. Thành tựu phi tướng phi phi tướng là ở xứ đó chính gọi là Phi phi tướng. Vào chánh trú là, thành được định Phi phi tướng xứ, vượt Vô sở hữu xứ ba phần, thành tựu ba thứ thiện, mười tướng đầy đủ, hai mươi hai công đức tương ứng, trú nơi tịch tịch rõ tu quả báo định, do công đức đó sinh lên trời phi phi tướng, như phần đầu đã nói rộng. Công đức sinh lên trời Phi phi tướng đó là, tu hành định Phi phi tướng xứ, mạng chung sinh lên trời Phi phi tướng, thọ mạng tám vạn bốn ngàn kiếp.

Hỏi: Tại sao nói Phi phi tướng xứ? Tại sao không nói là Thức xứ?

Đáp: Là chấp vô biên, vì khởi tướng vi tế nên, chẳng thành Thức xứ.

Hỏi: Tại sao dựa vào định này mà không thành lậu tận?

Đáp: Là tướng một cách phân minh, nhưng chẳng thể được kiến đạo. Lại nữa, định này rất vi tế, phi phi tướng không khả năng phân biệt, cho nên chẳng thành lậu tận xứ (định phi phi tướng đã xong).

Lại nói rõ về nghĩa trên.

Hỏi: Tại sao nói rải rác về định xứ đó?

Đáp: Gọi đó là diệt thanh (= tiếng) điên đảo, khởi vượt hành bên ngoài giác thọ, nghi không nên đắc. Diệt là, vào thiền thứ nhất, ngôn ngữ đoạn dứt. Vào thiền thứ tư, hơi thở ra vào dứt, Lân lượt diệt thanh (tiếng) là nếu người nào nhập định nghe có âm thanh thì chẳng được nói năng. Tại sao? Người nhập định, nhĩ thức không hòa hợp vậy. Lại nữa, người nhập định cõi sắc, thì thanh (tiếng) đó thành loạn, như lời đức Thế Tôn nói: người nhập định tiếng nói như kim chích họ. Điên đảo là, vào Địa Nhất thiết nhập, tướng chẳng phải địa mà làm tướng địa.

Hỏi: Nếu vậy tại sao không thành điên đảo?

Đáp: Bốn tướng điên đảo này chẳng khác vậy, biết tướng địa này là tướng nó, cho nên chẳng thành điên đảo. Khởi là, do năm nhân duyên từ nơi định khởi: vì oai nghi khổ, vì rất nhiều cảnh giới, vì chướng ngại khởi, vì phương tiện chẳng bình đẳng vì tùy ý. Nếu vào định vô sắc, thì vì rất nhiều cảnh giới chẳng được khởi, trú chẳng động cho nên, nhập thiền định diệt và nhập quả định, vì mới đầu làm được khởi, chẳng do các nhân khác. Vượt là, vượt có hai thứ: Phần vượt và sự vượt. Từ thiền cõi sắc vượt lên định cõi sắc, đó gọi là phần vượt. Từ thiền cõi sắc vượt lên định, cõi Vô sắc, lại từ định cõi Vô sắc vượt lên định cõi Vô sắc, đó gọi là sự vượt. Hành bên ngoài là tất cả hành bên ngoài định thành tựu năm phần. Giác là, đẳng tánh thiền thứ hai, trừ vô gián thành không giác quán. Thọ là, đẳng tánh thiền thứ tư, trừ vô gián cùng xả khởi, có

người ưa thích tướng tợ vô gián. Nghi là, chưa đoạn tất cả các Cái phủ: tham dục v.v... trú phi tướng xứ, nói ở hữu dư, như sợ rắn độc leo lên cây. Có bốn thứ người chẳng được khởi định, hẳn đọa vào cõi ác, không nhân, tạo ngũ nghịch, tà kiến (tán cú đã xong và Địa Nhất thiết nhập đã hết).

Hỏi: Thủy Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì, khởi gì công đức gì? Tại sao giữ tướng đó?

Đáp: Tâm duyên tướng nước, đây gọi là Thủy Nhất thiết nhập. Tâm trú chẳng loạn, đây gọi là tu hành, ở Thủy Nhất thiết nhập. Lấy chuyên ý làm tướng; chẳng trừ tướng nước là vị; tâm chẳng khởi hai ý là xứ, đối với Thủy Nhất thiết nhập có năm công đức, chẳng cùng (bất cộng) đó là đối với đất thì chảy ra, mất đi tự tại, đối với cung điện núi đất khiến động, khiến tuôn mưa, khiến thân có thể phát ra nước, khiến hóa sông biển. Ở Địa Nhất thiết nhập đã nói công đức thì Thủy Nhất thiết nhập cũng chung có ánh sáng. Tu Thủy Nhất thiết nhập, nhìn bất cứ đâu cũng đều thấy nước. Tại sao giữ (chọn) lấy tướng nước đó? Nếu giữ lấy tướng Thủy Nhất thiết nhập, thì đối với nước hiện có, giữ lấy tướng đó, hoặc nước tự nhiên, hoặc nước tự tạo ra. Khi ấy người tọa thiền lâu, ở nơi không phải nước mà giữ lấy tướng nước, người kia nhìn đâu cũng thấy nước. Nước, ở giếng, bình, ao, rạch, sông, hồ, đầm, biển, các đối tượng quán, ấy tùy ý liền thấy phần tướng nước kia được khởi, chẳng như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền, ở chỗ khởi tác mới giữ lấy tướng, đối với nơi chẳng khởi tác thì không khả năng tu rõ phương tiện Thủy Nhất thiết nhập. Người tọa thiền kia, từ mới đầu dùng quán tịch tịch xứ như vậy, hoặc chùa nhà hoặc hang đá hoặc dưới gốc cây, nơi đó chẳng tối chẳng có ánh sáng mặt trời nóng đốt, không bụi không gió, không ruồi muỗi v.v... không bị các chướng ngại, ở nơi như vậy, hoặc bát hoặc chậu chôn dưới đất sạch, khiến cùng đất bằng phẳng, giáp vòng xoay một tầm, đổ đầy nước mưa, chẳng xen tạp các sắc khác, khiến nước đầy bát chậu, nên ở nơi ấy khởi ý tưởng về nước, dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng xa lìa tạp loạn. Ngoài ra các sự khác đều như Địa Nhất thiết nhập, đã nói rộng cho đến phi phi tướng xứ (Thủy Nhất thiết nhập đã xong).

Hỏi: Hỏa Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì xứ gì công đức gì? Tại sao giữ lấy tướng ấy?

Đáp: Tâm hướng về tướng hỏa, đây gọi là Hỏa Nhất thiết nhập. Lúc đó tâm trú chẳng loạn, đây gọi là tu hành, tướng hỏa. Vận dụng linh hoạt ở phóng ý làm tướng; chẳng trừ tướng hỏa làm vị, tác ý vô song

làm xứ. Công đức gì? Có năm công đức bất cộng, đối với Hỏa Nhất thiết nhập: sửa trị, dấy khởi, khởi lửa do tướng quang minh dấy khởi, diệt ánh sáng các sắc khác, tùy ý đốt cháy; do tạo tướng quang minh nên hiểu rõ Hỏa giới. Như Địa Nhất thiết nhập, đã nói công đức. Do tu Hỏa Nhất thiết nhập nên nhìn đâu cũng thấy lửa cả. Tại sao giữ tướng đó? Nếu hiện tại giữ lấy Hỏa Nhất thiết nhập, thì giữ lấy tướng hỏa, hoặc do mình tạo, hoặc lửa tự nhiên. Người tọa thiền lâu giữ tướng lửa tự nhiên, nhìn đâu cũng thấy như lửa cỏ, lửa củi, hoặc lửa rừng, hoặc lửa nhà lửa cháy phừng phừng. Từ đây bắt đầu để tác quán, hoặc tự ưa thích hay chẳng ưa thích, tức thấy tướng hỏa phần kia bốc lên phần kia không, như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền chỉ ở chỗ khởi tác mới giữ lấy tướng, không khả năng đối với chỗ chẳng khởi tác mà giữ tướng làm sáng tỏ phương tiện tu Hỏa Nhất thiết nhập. Người mới tọa thiền ban đầu sửa trị, việc đoạn tiết củi cháy, chất đồng đốt cháy ở nơi thanh tịnh, hoặc lúc mặt trời ló dạng hoặc lúc mặt trời lặn khuất, từ dưới cháy lên, chẳng tác ý đến cỏ, củi. Ở trên khói lửa đều không tác ý. Ở trong đồng cháy ấy nảy ý nghĩ lửa, dùng ba hành thủ lấy tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng lia loạn như phần đầu đã nói rộng (Hỏa Nhất thiết nhập đã xong).

Hỏi: Phong Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì, xứ gì, công đức gì? Tại sao giữ tướng đó?

Đáp: Tâm duyên tướng phong (gió), đây gọi là Phong Nhất thiết nhập, tu tâm trụ bất loạn gọi là tu Phong Nhất thiết nhập. Lấy phóng ý làm tướng, chẳng trừ tướng phong làm vị; tác ý vô song (một mình) làm xứ. Công đức gì? Có ba công đức? Chẳng giống ở Phong Nhất thiết nhập: hành tự tại, có khả năng khiến phong khởi, tác ý thọ trì khiến mát mẻ, như công đức Địa Nhất thiết nhập đã nói. Tu phương tiện phong Nhất thiết nhập, tại sao giữ tướng đó? Người mới tọa thiền hiện giữ lấy Phong Nhất thiết nhập, dùng hai hành chấp giữ tướng phong, hoặc thấy hoặc xúc. Tại sao dùng thấy chấp giữ tướng? Người tọa thiền kia, hoặc ở nơi vườn mía hoặc nơi rừng trúc hoặc chỗ nhiều cỏ, vì gió kích động, người ấy đã thấy, bèn tưởng nghĩ về gió, dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng lia loạn. Như vậy là đã thấy, chấp giữ tướng. Tại sao dùng xúc chấp giữ tướng? Người mới tọa thiền tịch tịch như vậy, nơi tọa thiền nảy ý tưởng theo gió bay đi, nơi đó làm lỗ xuyên qua vách tường, trúc lau làm ống đặt trong đó, ngồi ngay chỗ ống, khiến gió chạm vào thân, tác ý chấp giữ tướng gió. Như vậy là dùng xúc giữ tướng. Nếu người tọa thiền, lâu thì thấy gió nổi khắp

nơi. Nếu đi đứng ngồi nằm gió chạm vào thân, tùy chỗ nào gió lắc động ban đầu đã tác quán, hoặc tự ưa thích hay chẳng ưa thích, tức thấy phần tướng gió kia nổi lên, không như người mới tọa thiền (phong Nhất thiết nhập đã xong).

Hỏi: Xanh Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì, xứ gì, công đức gì? Tại sao giữ tướng đó?

Đáp: Tâm duyên ở tướng sắc xanh, đây gọi là Xanh Nhất thiết nhập. Tâm kia trú chẳng loạn, đây gọi là tu ở tướng xanh. Lấy phóng ý làm tướng, chẳng trừ tướng xanh làm vị, tác ý vô song làm xứ. Công đức gì? Có năm công đức, chẳng đồng ở xanh Nhất thiết nhập: tâm duyên theo sát, đắc Tịnh giải thoát, được xanh trừ nhập như hoa xanh, tâm thọ trì khiến hóa các thứ sắc xanh, tu xanh Nhất thiết nhập, nhìn đâu cũng thấy xanh. Tại sao giữ tướng đó? Giữ tướng xanh Nhất thiết nhập, là hoặc nơi tạo tác, hoặc nơi tự nhiên, người tọa thiền lâu giữ tướng ngay nơi chẳng khởi tác. Người tọa thiền kia nhìn thấy khắp, hoặc hoa xanh, hoặc áo xanh hoặc sắc xanh, ở trước mắt đó thường thấy, tùy hoặc ưa thích, hoặc chẳng ưa thích, tức thấy tướng phần xanh kia được khởi, chẳng như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền giữ tướng ở nơi có khởi tác, không khả năng giữ tướng ở nơi chẳng khởi tác mà, tu phương tiện xanh Nhất thiết nhập. Người tọa thiền kia ở y phục ở bằng ở nơi vách, dùng sắc hoa A-đa-tư, sắc xanh, dùng sắc này làm hoa Mạn-đà-la, hoặc ba góc hoặc bốn góc, dùng sắc khác vây bên ngoài đó, ở đây khởi tướng xanh, dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng lia loạn. Ngoài ra, như phần đầu đã nói rộng (xanh Nhất thiết nhập đã xong).

Hỏi: Vàng Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì, xứ gì, công đức gì? Tại sao giữ tướng ấy?

Đáp: Tâm duyên ở tướng sắc vàng, đây gọi là Vàng Nhất thiết nhập. Tu tâm kia trú chẳng loạn, đây gọi là tu, Vàng Nhất thiết nhập. Lấy phóng ý làm tướng; chẳng trừ tướng vàng là vị, tác ý vô song là xứ. Công đức là gì? Có năm công đức chẳng đồng ở Vàng Nhất thiết nhập: tâm duyên theo, đắc Tịnh giải thoát, được vàng trừ nhập tác ý, như hoa vàng rờng các thứ sắc vàng. Tu Vàng Nhất thiết nhập, nhìn đâu cũng thấy sắc vàng. Tại sao giữ tướng đó? Hiện thủ giữ Vàng Nhất thiết nhập, thì giữ tướng vàng, hoặc tự tạo tác, hoặc tự nhiên. Khi đó giữ tướng ngay cả nơi chẳng khởi tác màu vàng, người tọa thiền kia thấy sắc vàng khắp nơi hoặc hoa vàng hoặc y vàng sắc vàng. Từ đây thường thấy, tùy theo ưa thích hay chẳng ưa thích, liền thấy tướng phần vàng kia được khởi,

chẳng phải như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền thủ lấy tướng vàng ở nơi đã khởi tác màu vàng, không khả năng, tu phương tiện vàng Nhất thiết nhập, ở nơi chẳng khởi tác màu vàng. Người tọa thiền hoặc y phục hoặc bảng hoặc vách tường, dùng sắc hoa Ca-ni-ca sắc vàng làm hoa Mạn-đà-la hoặc ba góc hoặc bốn góc, sắc khác vây bên ngoài đối với tướng vàng ấy, khởi tướng vàng dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng trừ loạn. Ngoài ra, như phần đầu nói rộng (vàng Nhất thiết nhập xong).

Hỏi: Đỏ Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì, xứ gì, công đức gì? Tại sao giữ lấy tướng đó?

Đáp: Tâm duyên ở tướng sắc đỏ, đây gọi là Đỏ Nhất thiết nhập. Tu tâm trú chẳng loạn, đây gọi là tu ở tướng đỏ. Lấy phóng ý làm tướng, chẳng lìa tướng đỏ là vị, tác ý vô song là xứ. Công đức gì? Có bốn công đức chẳng cùng ở Đỏ Nhất thiết nhập: tùy tâm, đắc Tịnh giải thoát, được đỏ trừ nhập, hóa các thứ sắc đỏ. Công đức chẳng cùng là: như nói ở Địa Nhất thiết nhập. Tu đỏ Nhất thiết nhập, nhìn đâu cũng thấy đỏ cả. Tại sao giữ tướng đó? Hiện giữ Đỏ Nhất thiết nhập, thì giữ ở tướng đỏ, hoặc tự tạo tác, hoặc tự nhiên. Người tọa thiền lâu giữ tướng nơi tự nhiên, đâu đâu cũng đều thấy đỏ hoặc hoa đỏ, hoặc y phục đỏ hoặc sắc đỏ. Từ đây bắt đầu thường thấy, tùy ưa thích hay chẳng ưa thích, liền thấy tướng phần đỏ kia được khởi, chẳng như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền giữ tướng thiền ở nơi đã khởi tác chẳng có khả năng khởi tu phương tiện Đỏ Nhất thiết nhập ở nơi không khởi tác. Người tọa thiền kia, hoặc nơi y phục, hoặc nơi bảng, hoặc nơi vách tường, như hoa bàn-thâu-thời-bà sinh màu đỏ, hoặc dùng chu đan làm hoa Mạn-đà-la, hoặc ba góc hoặc bốn góc, hoặc sắc khác ngăn cách bên ngoài, ở đây khởi tướng tướng đỏ, dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng lìa loạn, như phần đầu đã nói rộng (đỏ Nhất thiết nhập đã xong).

Hỏi: Trắng Nhất thiết nhập là gì? Tu gì, tướng gì, vị gì, xứ gì, công đức gì? Tại sao giữ tướng đó?

Đáp: Tâm duyên ở sắc trắng, đây gọi là Trắng Nhất thiết nhập. Tu đó tâm trú chẳng loạn, đây gọi là tu ở tướng trắng. Lấy phóng ý làm tướng, chẳng lìa tướng trắng làm vị, tác ý vô song làm xứ. Công đức gì? Có tám công đức, chẳng cùng (bất cộng) ở trắng Nhất thiết nhập: tùy tâm đắc Tịnh giải thoát, được trắng trừ nhập, nhiếp phục biếng lười ngủ nghỉ, trừ tối làm sáng, trắng Nhất thiết nhập được khởi thiên nhãn. Ngoài ra, các công đức khác như đã nói ở Địa Nhất thiết nhập. Tu Trắng

Nhất thiết nhập, nhìn đâu cũng thấy trắng. Tại sao giữ tướng đó? Hiện giữ Trắng Nhất thiết nhập, thì giữ tướng trắng, hoặc tự tạo, hoặc tự nhiên. Người tọa thiền lâu đối với chỗ tự nhiên giữ tướng, họ thấy trắng khắp nơi, hoặc hoa trắng, hoặc y phục trắng, hoặc sắc trắng, hoặc ánh sáng vàng trắng, hoặc ánh sáng mặt trời, hoặc sắc muôn sao hoặc gương tròn. Từ đó bắt đầu thường thấy, tùy ưa thích hay chẳng ưa thích, liền thấy tướng phần trắng kia được khởi, chẳng như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền giữ tướng ở nơi đã khởi tác không thể giữ tướng ở nơi không thể khởi tác và tu phương tiện Trắng Nhất thiết nhập. Người tọa thiền kia, hoặc nơi y phục, hoặc bằng, hoặc nơi vách tường, dùng sắc rất trắng tinh v.v... dùng sắc này làm hoa Mạn-đà-la, hoặc ba góc hoặc bốn góc, dùng sắc khác giới hạn bên ngoài đó. Nơi tướng trắng này, dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng lìa loạn, như phần đầu đã nói rộng (trắng Nhất thiết nhập xong).
 Hỏi: Quang minh (ánh sáng) Nhất thiết nhập là gì, Tu gì, tướng gì, vị gì, xứ gì công đức gì? Tại sao giữ tướng đó?

Đáp: Tâm tạo tác tướng quang minh đây gọi là Quang minh Nhất thiết nhập. Vị kia tu tâm trú chẳng loạn, đây gọi là tu ánh sáng. Lấy phóng ý làm tướng, chẳng lìa tướng ánh sáng làm vị; tác ý vô song làm xứ. Công đức gì? Giống công đức của Trắng Nhất thiết nhập. Tu ánh sáng Nhất thiết nhập, đâu đâu cũng thấy ánh sáng. Tại sao giữ tướng đó? Hiện giữ Ánh sáng Nhất thiết nhập, thì giữ lấy tướng ánh sáng, hoặc tạo tác hoặc tự nhiên. Người tọa thiền lâu giữ tướng, tự nhiên họ thấy khắp sáng, hoặc ánh sáng vàng trắng hoặc ánh sáng mặt trời, hoặc ánh sáng đèn hoặc ánh sáng châu ngọc. Từ đó bắt đầu thường thấy, tùy ưa thích hay chẳng ưa thích, liền thấy phần ánh sáng kia liền khởi, chẳng như người mới tọa thiền. Người mới tọa thiền chỉ giữ lấy tướng ở nơi đã khởi tướng, chứ không thể ở nơi chẳng khởi tướng mà giữ lấy tướng và tu phương tiện ánh sáng Nhất thiết nhập. Người tọa thiền kia như vậy hoặc nương vách tường đông tây ngói, khiến nước đầy bát, đặt yên nơi ánh sáng mặt trời chiếu đến, từ ánh sáng người kia khởi Mạn-đà-la, từ Mạn-đà-la ánh sáng khởi dính ánh sáng vách tường nơi thấy tướng ánh sáng, dùng ba hành giữ tướng, dùng bình đẳng quán, dùng phương tiện, dùng lìa loạn, như phần đầu đã nói rộng (quang minh Nhất thiết nhập đã xong).

